

Số: 120 /BC-STNMT

Điện Biên, ngày 03 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**  
**6 tháng đầu năm 2019**

Thực hiện Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 761/STC-TTr ngày 24/5/2019 của Sở Tài Chính về việc Báo cáo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả như sau:

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP)**

- Công tác THPTK, CLP trong thời gian qua đã được lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo; chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở. Để triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác THPTK, CLP, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THPTK, CLP và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về THPTK, CLP tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến đa dạng, phong phú như: lồng ghép trong các cuộc họp, sinh hoạt Đảng; lồng ghép nội dung tuyên truyền trên Tạp chí tài nguyên và môi trường mỗi quý một số; tổ chức giao lưu trực tuyến trên Internet để hướng dẫn, giải đáp cho các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh các chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tạo sự thuận lợi, đơn giản và minh bạch, phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân;

- Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đã từng bước nâng cao trình độ hiểu biết, nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành tài nguyên và môi trường.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động THPTK, CLP và việc THPTK, CLP của Sở**

Để công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 được triển khai có hiệu quả và thiết thực, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Chương trình số 344/CTr-STNMT ngày 18/4/2019 về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019. Qua đó quán triệt đến các phòng, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện

tiết kiệm chống lãng phí theo Chương trình đề ra với nội dung xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên của các phòng, đơn vị và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, lồng ghép các buổi Tập huấn, Hội nghị, cuộc họp giao ban, triển khai nhiệm vụ... Lãnh đạo Sở đã quán triệt, tuyên truyền tới từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Sở việc thực hiện đúng Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các nội dung, hình thức tổ chức thực hiện bằng nhiều việc làm cụ thể đã được quy định cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, quy định việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, điện thoại và các tài sản khác của cơ quan theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng, đơn vị cùng toàn thể công chức, viên chức, người lao động thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung về THTK, CLP đã được đề ra trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng.

### **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**

Trong thời gian 6 tháng đầu năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường không tổ chức các cuộc thanh tra về THTK, CLP nhưng đã chỉ đạo, đôn đốc các Phòng, đơn vị tự kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP; qua đó cũng đã kịp thời phát hiện những thiếu sót, hạn chế và đã nhắc nhở để chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác tổ chức và hoạt động của các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở đối với công tác THTK, CLP.

## **II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:**

- THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng định mức, tiêu chuẩn chung, chỉ đạo thực hiện đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ đã đề ra, từ đó tạo sự chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và chi tiêu tài chính của đơn vị, thực hiện dân chủ công khai, minh bạch trong quản lý tài chính tài sản, trong kiểm tra giám sát của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, sử dụng tài sản đúng mục đích và đạt hiệu quả.

- THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN): đã thực hiện đúng định mức, đơn giá, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

+ THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Sử dụng điện, nước; Sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm: Việc tổ chức hội nghị, hội thảo ... cũng được Sở đòi hỏi dưới hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến nên tiết kiệm được chi phí từ ngân sách. Cụ thể: số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là 540 triệu đồng.

- THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc: trong 6 tháng đầu năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành

kiểm kê, đánh giá tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan và kịp thời thanh lý các tài sản hư hỏng theo đúng quy định. Mở hệ thống sổ theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản. Việc thay thế, sửa chữa các thiết bị làm việc, các đơn vị đều thành lập Hội đồng để xác định rõ nguyên nhân hư hỏng, xác định rõ trách nhiệm của từng công chức và người lao động trong việc quản lý, sử dụng tài sản cơ quan, việc quản lý tài sản, trang thiết bị tại cơ quan chặt chẽ.

+ THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, thông tin liên lạc: Việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc; mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

+ THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Việc lập, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình đã căn cứ vào định mức, đơn giá, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

+ THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc Sở có tổng diện tích là 2.249 m<sup>2</sup>, được sử dụng đúng mục đích.

+ THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: không.

- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và quản lý, sử dụng đất: không.

- THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước: không.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước: Cán bộ, công chức và người lao động của Sở Tài nguyên và Môi trường đều chấp hành nghiêm nội quy, quy chế và Luật Lao động và thời gian lao động của Chính phủ đề ra đặc biệt là quản lý chặt chẽ việc làm thêm giờ.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập: Các đơn vị sự nghiệp công lập đều xây dựng nội quy làm việc quy định rõ việc chấp hành chế độ, giờ giấc gắn việc bình xét thi đua hàng năm với chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan, tổ chức khác: không.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: không.

## **2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí**

Với quan điểm vừa tích cực, chủ động phòng ngừa, vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí nên trong thời gian 6 tháng đầu năm qua, Sở

Tài nguyên và Môi trường không phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí. Tuy nhiên các hành vi lãng phí như ra khỏi phòng không tắt điện thấp sáng chưa tiết kiệm được triệt để.

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý: Không

### **3. Phân tích, đánh giá**

#### *a) Đánh giá kết quả đạt được:*

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về THTK, CLP gắn việc THTK, CLP với việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tinh thần cần, kiệm, liêm, chính và thực hành tiết kiệm, gắn các chỉ tiêu THTK, CLP với các đợt thi đua do Sở Tài nguyên và Môi trường phát động.

#### *b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:*

- Việc triển khai công tác THTK, CLP ở Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả đạt được còn hạn chế; việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo còn bị động, chất lượng báo cáo chưa thường xuyên, đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra về THTK, CLP.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo**

- Xây dựng các giải pháp tăng cường THTK, CLP cụ thể; khắc phục tồn tại, hạn chế, trong công tác quản lý năm sau và giai đoạn tiếp theo;

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật THTK, CLP và việc triển khai, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về các lĩnh vực thuộc Sở quản lý; tăng cường công khai, minh bạch quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan; thực hiện đồng bộ các biện pháp THTK, CLP với phòng chống tham nhũng; đẩy mạnh phân cấp quản lý tài chính, tài sản theo quy định;

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện: thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và sử dụng kinh phí trong các cơ quan hành chính sự nghiệp nhằm đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên các lĩnh vực theo quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống LP; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị và đổi mới công nghệ quản lý;

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác THPT, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan luôn nói không với tham nhũng, lãng phí;

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa và phát hiện tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ;

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện và có hành động cụ thể trong công tác THPT, CLP; căn cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chỉ tiêu đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm của cơ quan.

Trên đây là báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2019. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngôn Ngọc Khuê**

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng năm 2019***(Kèm theo Báo cáo số 120/BC-STNMT ngày 03/6/2019 của Sở TN&MT tỉnh Điện Biên)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	0	0	0			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	0	0	0			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	0	0	0			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0			

II Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)								
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	511		540	105,68%		
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
<b>2 Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>								
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoản chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	0	0	0			

	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	0	0	0			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	0	0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0			
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	0	0			
	Các nội dung khác		0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							



3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	0	0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	04		04			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục	tài sản	0	0	0			

	đích, sai chế độ phát hiện được							
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0	0			Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	<i>Số lượng</i>	dự án	0	0	0			
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							

2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2.249		2.249			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng	triệu đồng	0	0	0			

	nhà công vụ							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			

4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: không							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang	dự án						

	thực hiện							
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN: không</b>							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện: không</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							

	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi: không</b>							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu: không</b>							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân: không</b>							
<b>1</b>	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
<b>2</b>	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						

<b>IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>								
<b>1</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện</b>	cuộc	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành</b>	cuộc	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát</b>	triệu đồng	0	0	0			
<b>6</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi</b>	triệu đồng	0	0	0			



## Kết quả xử lý hành vi lãng phí

Số liệu tính từ ngày 01/01/2019 đến 31/5/2019

(Kèm theo Báo cáo số 120/BC-STNMT ngày 03/6/2019 của Sở TN&amp;MT tỉnh Điện Biên)

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo			Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý										Chưa xử lý			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự				Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý	Nguyên nhân	
		Thông tin phát hiện lãng phí nhận được	Vụ việc lãng phí		Số người phải bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố					
		1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Chi cục BVMT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chi cục QLDD	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Trung tâm Quan trắc TN&MT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Trung tâm Kỹ thuật TN&MT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Trung tâm Phát triển quỹ đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Văn phòng Đăng ký đất đai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>Tổng</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Lưu ý: Cột “Đơn vị” để thống kê kết quả của các đơn vị trực thuộc.